

Số: 738/2023/QĐST-HNGĐ

Tân phú, ngày 09 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 404/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn*: bà Lê Thị Bích T., sinh năm: 1985; địa chỉ: Số 137/1/5 đường X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh;

- *Bị đơn*: ông Phạm Nguyễn Hoàng K., sinh năm: 1988; địa chỉ: Số 341/19/112 đường X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 8 năm 2023;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: bà Lê Thị Bích T. và ông Phạm Nguyễn Hoàng K..

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị Bích T. và ông Phạm Nguyễn Hoàng K. thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của bà Lê Thị Bích T. và ông Phạm Nguyễn Hoàng K., theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 219, ngày 21/10/2009 tại Ủy ban nhân dân phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh chấm dứt kể từ ngày quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Về con chung bà Lê Thị Bích T. và ông Phạm Nguyễn Hoàng K. có 02 (hai) con chung tên Phạm Lê Hoàng P., sinh ngày 06/9/2011 và Phạm Lê Phương T1., sinh ngày 02/4/2013. Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn, bà Lê Thị Bích T. được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung tên Phạm Lê Hoàng P., sinh ngày 06/9/2011 và Phạm Lê Phương T1., sinh ngày 02/4/2013. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông K. do bà T. không yêu cầu.

+ Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

+ Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

+ Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi cần thiết, người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Về tài sản chung: bà T. và ông K. cùng xác nhận không có tài sản chung.

2.4. Về các vấn đề khác: bà T. và ông K. cùng xác nhận không có nợ chung.

2.5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí thuận tình ly hôn là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng do bà Lê Thị Bích T. tự nguyện chịu toàn bộ; nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà Lê Thị Bích T. đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0014010, ngày 10/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị Bích T. đã nộp đủ án phí. Hoàn trả số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai nói trên cho bà Lê Thị Bích T..

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Lâm Đức Tài